



# STATE of KNOWLEDGE

## Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công

Compiled by: Niki West

### Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp là gì?

Có nhiều định nghĩa và nhiều quan điểm khác nhau về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Có quan điểm ủng hộ nhiệt tình nhưng cũng có quan điểm phê phán kịch liệt. Trong lĩnh vực phát triển này, mọi quan điểm đều có những điểm đáng xem xét. Cuối cùng, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) là một lý tưởng. CSR là “... một kiểu tư duy thực dụng và có tầm nhìn dài hạn hơn”, nhưng nó cũng có thể trở thành “một sự đánh lạc hướng để người ta quên đi các vấn đề thực sự của cải cách luật pháp và sự phát triển đa cấp của chính trị và xã hội” (Kemp, 2001).

### Một khái niệm đang phát triển

Lý thuyết và thực hành trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) tiếp tục phát triển. Trong những năm 1970 và 1980, khái niệm này tập trung vào hoạt động từ thiện (Cochran, 2007), đạo đức kinh doanh và quyền công dân, phát triển thành khái niệm tam giác nền tảng (triple bottom line) thường được biết đến ngày hôm nay (Nehme và Wee, 2008; Robins, 2005). Cách tiếp cận tam giác nền tảng này xác định ba chữ P trong tiếng Anh, đó là Lợi nhuận (Profit), Con người (People) và Trái đất (Planet), và ủng hộ các doanh nghiệp đo lường tác động của họ đối với xã hội và môi trường (The Economist, 2009). Những năm 2000 đã có sự quan tâm trở lại đối với phát triển bền vững trong khu vực tư nhân và một sự thay đổi trong thuật ngữ từ CSR sang tính bền vững của doanh nghiệp được xây dựng trên nền tảng của CSR, nhưng nhấn mạnh hơn vào quản trị và lập kế hoạch chiến lược dài hạn (Carroll và Shabana, 2010).

Mặc dù CSR có rất nhiều thành phần (ví dụ như nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại, tiếp thị, quản lý rủi ro, tài

chính và các nghĩa vụ đạo đức và pháp lý) nhưng đối với doanh nghiệp thì có thể được rút gọn lại thành nhu cầu của công ty để tạo ra lợi nhuận và đảm bảo tiếp cận tài chính và vốn. CSR góp phần vào những nhu cầu đó thông qua việc thúc đẩy quản trị doanh nghiệp và quản lý rủi ro tốt (LRQA và CSR châu Á, 2010). Ở các nước phát triển, các doanh nghiệp có hoạt động CSR vững chắc có thể thu hút và giữ chân nhân viên, duy trì mối quan hệ tốt hơn với chính phủ (điều này có thể giúp các công ty gây ảnh hưởng đến chính sách công hoặc các quy định mới) và được công chúng xem là minh bạch và đáng tin cậy hơn (Cochran, 2007). Theo những người ủng hộ CSR, chính sách và thực hành CSR tốt đem lại lợi thế cạnh tranh cho công ty, giúp họ quản lý tốt hơn các rủi ro xã hội và môi trường, giúp duy trì tiếp cận nguồn tài chính từ các nhà đầu tư và ngân hàng có trách nhiệm xã hội (Carroll và Shabana, 2010; Nehme và Wee, 2008) và tạo cho họ tính hợp pháp lớn hơn thông qua một “giấy phép xã hội” để hoạt động (LRQA và CSR châu Á, 2010). Các nhà chỉ trích lại cho rằng CSR thường chỉ là ‘đánh lạc hướng’ hay ‘tẩy xanh’ trong quan hệ công chúng và thực chất làm suy yếu quyền của công nhân mà thôi.

### Định nghĩa

Ủy ban của Cộng đồng châu Âu đưa ra một định nghĩa thường được trích dẫn về CSR là “một khái niệm theo đó các công ty tích hợp các mối quan tâm về xã hội và môi trường vào hoạt động kinh doanh của họ và vào sự tương tác của họ với các bên liên quan trên cơ sở tự nguyện,” (Dahlsrud, 2008). Định nghĩa này trái ngược với quan điểm truyền thống rằng doanh nghiệp chỉ có một trách nhiệm duy nhất là tối đa hóa lợi nhuận của chủ sở hữu hoặc cổ đông (Carroll và Shabana, 2010).

**Kết luận:** CSR đã đi một chặng đường dài từ nguồn gốc từ thiện của mình đến hóa thân thành tính bền vững của doanh nghiệp như hiện nay. Các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị giờ đã gắn liền với CSR, nhiều công ty đang nỗ lực đo lường, theo dõi và báo cáo về các hoạt động CSR của họ. Có rất nhiều tài liệu nghiên cứu về CSR trong kinh doanh.

### Các khuôn khổ và sáng kiến chính của quốc tế về CSR?

Việc công nhận CSR trong kinh doanh đã dẫn đến sự phát triển của các khuôn khổ quốc tế đặt ra các nguyên tắc chủ đạo nhằm chuẩn hóa thực hành và báo cáo CSR cho cả doanh nghiệp và các nhà tài chính. Khi đánh giá các khuôn khổ, cần lưu ý hai câu hỏi sau:

- Ai xây dựng khuôn khổ đó và tại sao?
- Những khuôn khổ đó có được coi là độc quyền hoặc hợp pháp không và ai coi như vậy?

Một trong những khuôn khổ lớn xuất hiện đầu tiên là Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc năm 2000 (Hiệp ước toàn cầu của Liên hiệp quốc, năm 2011). Hiệp ước này được xem là đạt được thành công đáng kể trong việc mở rộng ra nhiều lĩnh vực và ra cả các công ty ở Bắc và Nam bán cầu. Cũng trong năm đó, các Sáng kiến báo cáo toàn cầu (GRI) phát hành phiên bản đầu tiên của Hướng dẫn và Khuôn khổ Báo cáo về tính bền vững, trong đó bao gồm các chỉ số để đo lường và báo cáo về các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và quản trị của một hoạt động kinh doanh (GRI, n.d.). Các nguyên tắc chủ đạo của Liên hợp quốc về Quyền kinh doanh và Quyền con người do John Ruggie - người khởi xướng Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc - xây dựng và được phát triển qua tham vấn rộng rãi với hàng loạt các doanh nghiệp, tổ chức xã hội dân sự và các bên liên quan thuộc chính phủ. Khuôn khổ này đề ra trách nhiệm của các công ty liên quan đến quyền con người (và cách thực hiện điều đó). Chính phủ Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, châu Âu và nhiều chính phủ khác ủng hộ khuôn khổ này. Nhiều trong số trong số các tập đoàn hàng đầu thế giới cũng đã bày tỏ ủng hộ đối với khuôn khổ này.

Năm 2003, nhiều ngân hàng tham gia vào tài trợ cho dự án phối hợp với Công ty tài chính quốc tế (IFC) đã xây dựng Nguyên tắc Equator. Nguyên tắc Equator là một tập hợp mười nguyên tắc có bao gồm cả một khuôn khổ rủi ro tín dụng và đặt ra tiêu chuẩn tối thiểu đối với sự chuyên cần đúng đắn khi đánh giá và quản lý rủi ro xã hội và môi trường đối với các dự án có chi phí đầu tư trên 10 triệu đô la Mỹ. Nguyên tắc Equator dựa trên Hướng dẫn An toàn, Sức khỏe và Môi trường của Ngân hàng Thế giới và các tiêu chuẩn hiệu suất về tính bền vững xã hội và môi trường nói trên của IFC. Ban đầu, các Nguyên tắc Equator chỉ áp dụng cho các giao dịch tài trợ dự án nhưng hiện đã được một số định

chế tài chính của Nguyên tắc Equator (EPFIs) áp dụng cho nhiều loại giao dịch. Ngoài các ngân hàng châu Âu và Mỹ, còn có một số ngân hàng từ Brazil, một ngân hàng từ Nam Phi và một ngân hàng từ Trung Quốc. Đáng kể là 75 định chế tài chính, chiếm 70% các khoản nợ tài trợ dự án ở các nền kinh tế mới nổi, là các tổ chức chấp nhận các Nguyên tắc Equator (Hiệp hội Nguyên tắc Equator, 2011).

Tiêu chuẩn hiệu suất của IFC đã được giới thiệu vào năm 2006, cập nhật vào năm 2012 và áp dụng cho các dự án do EPFIs tài trợ (Matsumoto, 2009). Có tám tiêu chuẩn, bao gồm đánh giá và quản lý tác động môi trường và xã hội, lao động, ô nhiễm, sức khỏe cộng đồng, tái định cư, bảo tồn đa dạng sinh học, người dân bản địa và văn hóa (IFC, 2012). Các tiêu chuẩn này của IFC đã trở thành một chuẩn mực doanh nghiệp hàng đầu về quản lý rủi ro môi trường và xã hội. Nhiều công ty tự nguyện cam kết thực hiện theo các tiêu chuẩn này ngay cả khi họ không tìm nguồn tài trợ của IFC. Hầu hết các cơ quan tín dụng xuất khẩu của OECD cũng như một số ngân hàng phát triển khác đều tuân theo các tiêu chuẩn của IFC. Các tiêu chuẩn này được coi là có ảnh hưởng lớn trong thế giới phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Hầu hết các EPFIs là các ngân hàng đa quốc gia từ các nước Bắc Mỹ hoặc châu Âu (Foran và cộng sự, 2010). Vì chỉ có bốn ngân hàng châu Á đã áp dụng các Nguyên tắc Equator nên EPFIs không có một sự hiện diện đáng kể trên thị trường tài chính dự án ở châu Á (Le Clerc, 2012). Mặc dù hầu hết các ngân hàng lớn của Thái Lan có chính sách CSR (Foran và cộng sự, 2010) nhưng không có ngân hàng nào chấp thuận các Nguyên tắc Equator (Le Clerc, 2012; IFC, nd). Tại Lào, tám ngân hàng tham gia tài trợ cho đập thủy điện Nam Theun 2 và ba tổ chức tài trợ cho Dự án mở rộng Theun-Hinboun, là các EPFIs.

Trong khi Hiệp ước Toàn cầu của Liên hiệp quốc đang mất dần hiệu lực thì một quá trình đa bên liên quan tham vọng được gọi là Ủy ban Thế giới về Đập (WCD) đã được tiến hành. WCD đã nghiên cứu những lợi ích và tác động của các đập lớn và năm 2000 đã đưa ra khuôn khổ ra quyết định cho các dự án đập lớn. Khuôn khổ này đặt ra bảy ưu tiên chiến lược và 26 hướng dẫn thực hành tốt. Nhiều người vẫn coi khuôn khổ của WCD là toàn diện nhất và hữu ích cho các cấp ra quyết định trong các dự án đập (Foran, 2010).

Năm 2004, tiếp sau khuôn khổ của WCD có Hướng dẫn về tính bền vững của Hiệp hội Thủy điện Quốc tế (IHA). Năm 2006, IHA phát hành Nghi thức Đánh giá Tính bền vững của phát triển thủy điện (HSAP) đầu tiên (IHA, 2012). Một năm sau, IHA hợp tác với Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới và Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên để tạo ra Diễn đàn Đánh giá tính bền vững thủy điện, với mục đích cập nhật HSAP

(Foran, 2010). Trong năm 2010, một phiên bản mới của HSAP được phát hành, gồm năm phần, trong đó bốn phần tương ứng với các giai đoạn khác nhau của chu kỳ phát triển dự án đập. Mỗi phần đều có bốn loại: môi trường, xã hội, kỹ thuật và kinh tế/tài chính. Mỗi chủ đề được đánh giá theo mức độ đáp ứng của sáu tiêu chí đánh giá khác nhau, bao gồm: đánh giá, quản lý, tham gia của các bên liên quan, hỗ trợ các bên liên quan, phù hợp/tuân thủ, và kết quả (IHA, 2010). Mặc dù áp dụng nhiều nguyên tắc tương tự như khuôn khổ của WCD nhưng HSAP có một cách tiếp cận kỹ trị hơn và hướng tới các ưu tiên có khuôn khổ thời gian của các nhà phát triển, các nhà tài chính và nhà vận hành thông qua các yêu cầu thấp hơn về sự tham gia của cộng đồng và sự tham gia của công chúng (Foran, 2010).

Cần lưu ý rằng HSAP không phải là đỉnh cao trong nhiều năm thực hiện CSR cũng không phải là một tiêu chuẩn hoàn hảo. HSAP vẫn còn tương đối mới và chưa được kiểm tra và chắc chắn gặp phải một số rào cản như các tiêu chuẩn CSR khác đã từng. Điều quan trọng là không thổi phồng tầm quan trọng hoặc tính hợp pháp của HSAP tại thời điểm này. HSAP được chính ngành thủy điện phát triển, trong khi WCD bao gồm các thành viên độc lập. Trong HSAP, các công ty tự cho điểm, chứ không phải là cam kết tuân theo các tiêu chuẩn được xác định rõ ràng. Các tổ chức xã hội dân sự ở khu vực Mê Công vẫn còn rất hoài nghi. Có rất ít mối liên hệ giữa HSAP và WCD và một số người cho rằng HSAP làm suy yếu khuyến nghị của WCD bằng cách tạo ra các tiêu chuẩn thay thế <sup>1</sup>

**Kết luận:** các khuôn khổ quốc tế thúc đẩy CSR đều khá mới và chỉ xuất hiện từ năm 2000 hoặc sau đó. Nguyên tắc Equator chưa được chấp nhận rộng rãi ở châu Á như ở châu Âu và Bắc Mỹ. Do hầu hết tài trợ cho các dự án thủy điện ở lưu vực Mê Công đến từ các ngân hàng ở châu Á nên Nguyên tắc Equator và tiêu chuẩn hiệu suất IFC có thể không còn phù hợp như trước đây, khi có nhiều ngân hàng Bắc Mỹ và châu Âu tham gia tài trợ. HSAP có khả năng trở thành một tiêu chuẩn cho ngành thủy điện nhưng vẫn còn nhiều việc phải làm trước khi nó được xem là một tiêu chuẩn được chấp nhận cả ở ngoài ngành.

### Những lời chỉ trích về các khuôn khổ và báo cáo liên quan đến CSR

Mối quan tâm chính là các bên tham gia ký kết hoặc thông qua một khuôn khổ nào đó có hành xử khác trên thực tế hay không, hay thông qua một khuôn khổ chỉ đơn thuần là một bài tập trong quan hệ công chúng (không phải tất cả các khuôn khổ đều yêu cầu các bên thông qua phải là các bên ký kết). Tuy nhiên, Scholtens và Dam (2007) thấy rằng các chính sách môi trường, xã hội và quản trị của EPFIs rất khác với các chính sách của các nước không thông qua, và nhiều ngân hàng lớn, có tầm nhìn xa, có nhiều khả năng áp dụng

các nguyên tắc này hơn các ngân hàng nhỏ. Các ngân hàng hoạt động trong các môi trường có xã hội dân sự, có quy định và các nhóm vận động mạnh mẽ, có nhiều khả năng phải đối mặt với thiệt hại danh tiếng nếu tài trợ cho các dự án gây tranh cãi. Những ngân hàng này đã thông qua Nguyên tắc Equator để giảm thiểu rủi ro đối với danh tiếng của họ và chứng tỏ thực hành trách nhiệm của họ (Scholtens và Dam, 2007).

Ngoài ra, việc thực thi các khuôn khổ như Nguyên tắc Equator và tiêu chuẩn hiệu suất của IFC cũng không chắc chắn. Nếu một dự án không đáp ứng các nguyên tắc hay tiêu chuẩn hiệu suất trong quá trình xây dựng hay vận hành, sau khi khoản vay đã được giải ngân, thì không rõ liệu các định chế tài chính sẽ có hành động gì không để buộc tuân thủ (Tổ chức Minh bạch quốc tế, 2008; Foran và cộng sự, 2010; Lawrence, 2009). Không có hướng dẫn về cách EPFIs phải thực hiện Nguyên tắc Equator và cũng không có thẩm định độc lập đối với việc thực hiện của các EPFIs, và điều này dẫn đến việc áp dụng không thống nhất giữa các ngân hàng (Le Clerc, 2012).

Cả Nguyên tắc Equator và GRI đều bị chỉ trích vì không yêu cầu báo cáo ở cấp dự án. Các báo cáo thường là báo cáo hoạt động chung của cả ngân hàng hoặc công ty mà bỏ qua các chi tiết về từng dự án (Foran và cộng sự, 2010; Fonseca, 2010). Việc báo cáo như vậy gây ra sự mơ hồ liệu các tiêu chuẩn xã hội và môi trường có được đáp ứng tại địa điểm dự án hay không, và đâu là những tác động thực sự tại hiện trường (Fonseca, 2010). Do không có các khuôn khổ cấu trúc chính thức, “báo cáo” thường được giao cho các bộ phận truyền thông của doanh nghiệp làm trong khi đây là những người có thể có ít kiến thức thực tế về tình hình tại hiện trường.

Khuôn khổ của WCD đã vấp phải sự phản đối về cái mà một số nhà phê bình cho là một cách tiếp cận lấy quyền con người làm trung tâm. WCD kêu gọi sự tham gia của cộng đồng, sự đồng thuận tự do, từ trước và được thông tin (FPIC), và sự chấp nhận của công chúng. Ngân hàng Thế giới, IHA, và các cơ quan tín dụng xuất khẩu tất cả đều nhất trí với bảy ưu tiên chiến lược, nhưng không đồng ý với một số nguyên tắc nhất định, đặc biệt là những nguyên tắc liên quan đến sự tham gia của cộng đồng và quyền con người. Họ cảm thấy những nguyên tắc này sẽ cản trở sự phát triển của các đập lớn, làm chậm quá trình ra quyết định, và trao quá nhiều quyền lực cho các cộng đồng nhỏ và thiểu số (Foran, 2010; Baghel và Nüsser, 2010).

**Kết luận:** Các định chế tài chính của Nguyên tắc Equator có chính sách và thực hành CSR tốt hơn các bên không thông qua, nhưng việc thực hiện Nguyên tắc Equator không nhất quán và có rất ít hoặc không có báo cáo ở cấp dự án.

1 - Xem đường dẫn này để biết thêm thông tin về những vấn đề đã nhận thức được liên quan đến HSAP <http://www.internationalrivers.org/resources/voluntary-approach-will-not-resolve-dam-conflicts-4286>

Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu làm tăng tính minh bạch bằng cách đưa thực hành CSR ra ánh sáng và đưa các báo cáo ra kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, GRI cũng không yêu cầu báo cáo cấp dự án. Khuôn khổ của WCD là toàn diện và được chấp nhận rộng rãi, nhưng giờ phải đối mặt với một 'đối thủ cạnh tranh' dưới dạng HSAP do ngành công nghiệp này phát triển.

### CSR ở châu Á hiện như thế nào?

Trong khi bối cảnh đang tiến triển, CSR ở châu Á lại chủ yếu tập trung vào các hoạt động từ thiện và phát triển cộng đồng (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009a; Krechowicz và Fernando, 2009b). Trong mắt của một số người, đây là một diễn giải lỗi thời về CSR và cung cấp rất ít thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư về các hoạt động môi trường và quản trị của công ty (Krechowicz và Fernando, 2009a). Hoạt động CSR thế nào sẽ phản ánh lịch sử, tiêu chuẩn và quy ước của quốc gia mà nó hoạt động: đó không phải là một thực thể hoặc phong cách đồng nhất (Chapple và Moon, 2005; Kemp, 2001). Welford<sup>2</sup> cho rằng các động lực của CSR là chính trị và kinh doanh, chứ không phải cộng đồng hay xã hội dân sự, mà hầu hết trong số họ vẫn còn hoài nghi và coi CSR là một quá trình từ trên xuống.

Thiếu minh bạch của công ty từng là một trở ngại đáng kể cho các chương trình CSR và báo cáo tốt hơn (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b). Ở đây cũng vậy, sự thay đổi đang diễn ra khi các thị trường chứng khoán trở nên ý thức hơn và tham gia tích cực hơn vào báo cáo CSR. Tuy nhiên, chỉ có 21% các báo cáo GRI trong năm 2009 là từ các công ty châu Á (LRQA và CSR châu Á, 2010). Ngành thủy điện trên sông Mê Công đặc biệt thiếu minh bạch mà nguyên nhân là do tham nhũng (Foran và cộng sự, 2010) và e rằng sự cởi mở và báo cáo sẽ gây ra chỉ trích (LRQA và CSR châu Á, 2010; Tobias, 2010).<sup>3</sup>

Các công ty châu Á rất ít tham gia vào các sáng kiến CSR quốc tế. Năm 2010, các công ty châu Á chỉ chiếm 3,5% các công ty niêm yết trên chỉ số của thế giới về tính bền vững Dow Jones, chiếm 17% các bên ký kết Hiệp ước toàn cầu, và 30% các công ty xóa tên khỏi Hiệp ước Toàn cầu. Thay vào đó, các chính phủ quốc gia và thị trường chứng khoán đang tạo ra các quy định phù hợp với địa phương để buộc phải chấp nhận CSR nhiều hơn (LRQA và CSR châu Á, 2010). Các quỹ đầu tư có trách nhiệm xã hội bắt ngờ xuất hiện (Krechowicz và Fernando, 2009a), năm 2009 chứng kiến sự ra mắt của Đánh giá tính bền vững châu Á, đánh giá này xếp hạng các công ty theo hiệu suất của họ trên các tiêu chí về môi trường, xã hội và quản trị (LRQA và CSR châu Á, 2010). Các tổ chức như Hiệp hội Đầu tư bền vững và có trách nhiệm ở châu Á và Nghiên cứu có trách nhiệm, cũng đã được thành lập để cung cấp thông tin về môi trường, xã hội và quản trị cho các nhà đầu tư (LRQA và CSR châu Á, 2010).

Các công ty gia đình và các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), hoặc những công ty mới được tư nhân hóa gần đây khá phổ biến ở châu Á. Sự thống trị của loại công ty có một hoặc một nhóm cổ đông duy nhất làm giảm động lực để tham gia vào CSR hoặc trở nên minh bạch (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b), vì CSR bị gạt đi do mối quan ngại của cổ đông hay nhà tài trợ về quản lý rủi ro của công ty. Những yếu tố có thể ảnh hưởng mạnh đến việc chấp thuận hoặc thực hiện CSR là khả năng để công chúng tham gia vào các hoạt động, bảo vệ "người thổi còi" và một phương tiện truyền thông điều tra tự do.

Trái với việc thực hiện CSR thường kém của các công ty châu Á, ngành công nghiệp khai khoáng lại là ngoại lệ. Các công ty khai khoáng đa quốc gia lớn trực tiếp ảnh hưởng đến cộng đồng thông qua việc sử dụng đất và nước của họ đang phải đối mặt với áp lực xã hội gia tăng trong quản lý các thiệt hại đã gây ra. Các công ty này có báo cáo trên trung bình và thừa nhận mối quan hệ của họ với cộng đồng địa phương và danh tiếng của họ phụ thuộc vào việc duy trì giấy phép xã hội để hoạt động (LRQA và CSR Châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b).

Kết luận: CSR đang phát triển và số lượng các công ty châu Á nhìn nhận CSR một cách nghiêm túc đã tăng lên trong những năm gần đây: nhiều xu hướng mới đang nổi lên. Cần cải thiện tính minh bạch và báo cáo CSR, một phần là do cấu trúc của nhiều công ty châu Á và phong cách quản trị. Các công ty châu Á thích các tiêu chuẩn CSR phù hợp với địa phương đã miễn cưỡng tham gia vào các sáng kiến quốc tế. Mặc dù tỷ lệ chấp nhận CSR trong khu vực còn thấp nhưng đầu tư có trách nhiệm xã hội đang dần phổ biến và các công ty sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên phải đối mặt với áp lực xã hội tăng lên trong việc quản lý các tác động môi trường và xã hội của họ.

### Quy mô CSR trong phát triển thủy điện lưu vực sông Mê Công như thế nào?

Tất cả các nền kinh tế mới nổi trong khu vực, ngoại trừ Việt Nam, đều đã đưa ra các quy định, luật lệ, sáng kiến thị trường hoặc giải thưởng để khuyến khích báo cáo CSR (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009a). Báo cáo CSR ở Malaysia và Thái Lan tập trung vào phát triển cộng đồng và hoạt động từ thiện, trong khi các doanh nghiệp Việt Nam ít tham gia vào báo cáo (Krechowicz và Fernando, 2009a).

Trung Quốc đã ban hành hướng dẫn về báo cáo CSR, trong đó các doanh nghiệp nhà nước được khuyến khích tuân theo; các thị trường chứng khoán Thượng Hải và Thâm Quyển yêu cầu các công ty niêm yết báo cáo về hoạt động CSR của họ. Tương tự như vậy, Bursa Malaysia thiết lập khuôn

2 - <http://www.eco-business.com/news/csr-asia-gaining-traction/>

3 - <http://www.csr-asia.com/index.php?cat=7> CSR ở châu Á đã có độ bám, thứ Tư ngày 6/10/2010

khô và có yêu cầu báo cáo CSR của riêng mình đối với các công ty niêm yết (LRQA và CSR châu Á, 2010). Các công ty có thể linh hoạt quyết định báo cáo những gì và bao nhiêu, và chưa sử dụng các thước đo chuẩn. Thị trường chứng khoán của Thái Lan không có bất kỳ yêu cầu nào về báo cáo CSR, còn các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán tương đối mới của Việt Nam hầu hết chỉ báo cáo bằng tiếng Việt (Krechowicz và Fernando, 2009b). Đồng thời, một số doanh nghiệp nhà nước đang tìm hiểu để làm quen với CSR. Một số doanh nghiệp đã tạo ra chi nhánh giao dịch công khai, vậy là khá có ý thức về CSR mặc dù các hoạt động chính của họ vẫn duy trì kinh doanh theo cách cũ.

**Kết luận:** Thị trường chứng khoán trong khu vực đang nỗ lực hướng tới báo cáo CSR vì nhiều công ty có ý định niêm yết trên sàn giao dịch quốc tế, nơi trách nhiệm giải trình công khai được coi trọng. Thị trường chứng khoán của Trung Quốc có yêu cầu báo cáo nghiêm ngặt nhất, tiếp đến là Bursa Malaysia. Báo cáo CSR trên thị trường chứng khoán của Thái Lan là không bắt buộc, và báo cáo tự nguyện này tập trung vào phát triển cộng đồng và hoạt động từ thiện. Việt Nam có báo cáo yếu nhất, hiện không có quy định nào và chỉ có vài công ty báo cáo.

### Các nhà phát triển thủy điện Mê Công có cam kết CSR không?

Có rất ít tài liệu về bản chất hoặc mức độ CSR trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công. Ba báo cáo của Foran và cộng sự (2010), Middleton và cộng sự (2009) và Tổ chức Sông ngòi Quốc tế (2008) cung cấp thông tin về các nhà đầu tư và các nhà phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công, cho thấy cam kết CSR nhìn chung là thấp. Các ngân hàng và nhà phát triển Thái Lan chiếm phần lớn các nhà đầu tư được đề cập trong ba báo cáo này. Bốn ngân hàng Thái Lan có chính sách CSR (Ngân hàng Xuất nhập khẩu của Thái Lan, 2011, Ngân hàng Thương mại Siam, nd; Ngân hàng Ayudhya, nd; Kasikorn Bank, 2011). Tất cả các ngân hàng này trừ Ngân hàng Thương mại Siam trong báo cáo hàng năm đều có phần báo cáo về CSR tập trung vào các hoạt động từ thiện, phát triển cộng đồng và nhân viên tình nguyện. Trong số bốn ngân hàng này, chỉ Ngân hàng Kasikorn cố gắng để các chỉ số báo cáo CSR tuân theo các thước đo của GRI.

Bốn nhà phát triển lớn khác của Thái Lan khác nhau về cách thực hiện CSR. Công ty Phát triển Ý-Thái Lan (ITDC) và CH. Karnchang hoạt động kém, trong khi Ratchaburi và Công ty Phát điện (EGCO) làm tốt hơn một chút. Cả CH. Karnchang và Công ty Ý-Thái Lan có chính sách CSR hơi mơ hồ, chính sách của Ratchaburi và EGCO rõ ràng hơn. Trong báo cáo hàng năm của ITDC và CH. Karnchang có phần tập trung vào các hoạt động từ thiện và phát triển cộng đồng (Công ty phát triển Ý-Thái Lan, 2011; CH Karnchang,

2011). Ratchaburi và EGCO có báo cáo riêng toàn diện về CSR giống như một báo cáo GRI (Ratchaburi, 2011; EGCO, 2009).

Ở Trung Quốc, không rõ Ngân hàng EXIM Bank Trung Quốc có chính sách CSR hay không mặc dù trong báo cáo hàng năm có một phần nhỏ về hoạt động từ thiện (Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc, 2011). Ngân hàng Phát triển Trung Quốc có chính CSR, có báo cáo CSR riêng và tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 26000, đây là tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội (Ngân hàng Phát triển Trung Quốc, 2011).

Trong số các nhà phát triển của Trung Quốc, Sinohydro có chính sách CSR, có báo cáo GRI (GRI, 2012) và tuân thủ các tiêu chuẩn ISO 14001 - tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường (Sinohydro, nd). Cả Datang và South China đều có chính sách CSR, đều có báo cáo GRI và là thành viên của Hiệp ước Toàn cầu (South China, 2011; Datang, 2009).

Ở Việt Nam, ngoài Tập đoàn Điện lực Việt Nam còn có hai ngân hàng là Vietcombank và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũng liên quan đến phát triển thủy điện. Hiện chưa có thông tin về Vietcombank hoặc Tập đoàn Điện lực Việt Nam vì không có trang web bằng tiếng Anh. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển có chính sách CSR, nhưng tập trung vào các hoạt động từ thiện (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, nd).

Cả hai nhà phát triển Malaysia, Mega First Corporation Berhad và Gamuda Berhad, đều không có chính sách hoặc báo cáo CSR rõ ràng (Mega First Corporation Berhad, 2011, Tập đoàn Gamuda Berhad, 2012). Điện lực của Lào cũng không có thông tin về CSR trên trang web của mình (Công ty Điện lực của Lào, nd).

**Kết luận:** cam kết về CSR rất khác nhau. Các yếu tố mong muốn của CSR trong thủy điện gồm:

- đo lường và báo cáo công khai về tác động;
- chứng minh những lợi ích cho các cộng đồng thượng lưu và hạ lưu tính từ các khu vực bị ảnh hưởng;
- có hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội được tích hợp vào quản trị doanh nghiệp của họ, và
- báo cáo về những tiêu chuẩn môi trường và nhân quyền quốc tế mà họ cam kết tuân thủ.

### Có ví dụ nào về CSR trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công không?

Khó xác định được CSR trong bối cảnh thủy điện vì rất nhiều hoạt động theo quan điểm của doanh nghiệp có thể được coi là CSR (ví dụ xây dựng trường học, trạm y tế, cung cấp nước sạch, vv) nhưng lại là nghĩa vụ theo hợp đồng của các nhà khai thác thủy điện. Mặc dù CSR có khả năng nâng cao chất lượng tổng thể của một dự án nhưng lại không đủ

cho phát triển bền vững. CSR vẫn chưa tỏ ra là một sự thay thế hiệu quả cho việc giám sát của bên thứ ba, hay cho các quy định mạnh mẽ và minh bạch trong một quốc gia.

Các dự án thủy điện Theun-Hinboun và Nam Theun 2 thường được nhắc đến là những ví dụ về “trách nhiệm xã hội” trong các dự án hợp tác công-tư. Các dự án thủy điện hợp tác công-tư khác, chẳng hạn như bậc thang Nam Ngum và đập Houay Ho, cho thấy không có bằng chứng về trách nhiệm xã hội.

Đập Theun-Hinboun là đập lớn đầu tiên tại Lào được phát triển theo hợp tác công-tư (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008) và là một trong những dự án xây dựng-sở hữu-vận hành-chuyển giao (BOOT) đầu tiên (Virtanen, 2006). Đập này được hoàn thành vào năm 1998 và thuộc sở hữu của Chính phủ Lào, Statkraft (Na Uy) và GMS Power (Thái Lan), tạo thành Công ty Điện lực Theun-Hinboun (THPC). ADB đã giúp tài trợ cho các cổ phần của Lào (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008).

Dự án bị chỉ trích vì đã không tham khảo ý kiến công chúng đầy đủ và đánh giá tác động môi trường không tốt, dẫn đến tác động xấu lên sinh kế và môi trường của 30.000 người dân sống ở thượng lưu và hạ lưu đập. Đặc biệt, xói lở bờ sông Hai và Hinboun đã tăng lên, dẫn đến tăng lũ lụt, phải bỏ trồng lúa mùa mưa, phá hủy các khu vườn ven sông và làm giảm sản lượng cá đánh bắt và nguồn nước uống mùa khô (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008; Virtanen, 2006; Matsumoto, 2009).

Năm 2000, THPC tuyên bố sẽ chi đến 4,5 triệu đô la cho chương trình giảm thiểu và bồi thường (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008; Matsumoto, 2009). THPC đã đáp ứng được các thỏa thuận trong hợp đồng liên quan đến các tác động xã hội và môi trường. Công ty đã thành lập một phòng mới về quản lý xã hội và môi trường và đã hành động để bồi thường tốt hơn cho dân làng bị ảnh hưởng, tham gia vào phát triển cộng đồng và đầu tư cho các chương trình sinh kế bền vững (Virtanen, 2006). Thật không may là các chương trình sinh kế, đặc biệt là chương trình trồng lúa mùa khô, đã không thành công do chất lượng đất kém, do không đủ nước và chi phí đầu vào cao (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008).

Quy hoạch mở rộng dự án Theun-Hinboun (THXP) đã cố gắng cải thiện bài học quá khứ và đã soạn thảo báo cáo ĐTM, Kế hoạch quản lý và giảm thiểu tác động môi trường (EMMP), và Kế hoạch hành động tái định cư phù hợp với chính sách bảo vệ của ADB, các nguyên tắc Equator và Chính sách quốc gia về phát triển bền vững môi trường và xã hội của ngành thủy điện ở Lào năm 2005 (THPC, 2011). Báo cáo từ Phòng xã hội và môi trường của THPC về sự

tiến bộ của THXP cho biết thông tin về các bản bị ảnh hưởng và những việc công ty đang làm về: tái định cư, cách tiếp cận đối với tác động hạ lưu, tham vấn cộng đồng, phát triển sinh kế, sức khỏe cộng đồng, giáo dục, dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương, quản lý tác động xã hội, chất lượng nước, thủy văn, xói mòn, thủy sản, giám sát xây dựng, quản lý chất thải; dọn sinh khối, và các chương trình bảo vệ môi trường (THPC, 2011). Tuy nhiên, Matsumoto (2009) cho rằng THXP đã vi phạm Nghị định của Lào về bồi thường và tái định cư, vi phạm các Nguyên tắc Equator và tiêu chuẩn hiệu suất của IFC và các điều khoản của hợp đồng nhượng quyền và kế hoạch hành động tái định cư của mình.

Dự án Nam Theun 2 (NT2) cũng được phát triển như một dự án Xây dựng-Sở hữu-Vận hành-Chuyển giao (BOOT) trong một mối cộng tác công-tư (Foran và cộng sự 2010), và thuộc sở hữu của Điện lực Pháp, Tổ chức Doanh nghiệp Nhà nước Lào, và EGCO (NTPC, nd). Tổng cộng có 27 tổ chức tài chính tài trợ cho NT2 (Foran và cộng sự, 2010), bao gồm cả các cơ quan tín dụng xuất khẩu của châu Âu và Thái Lan, các MDB, và các ngân hàng tư nhân (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008; Lawrence, 2009). Năm 2005, NT2 nhận được tài trợ của Ngân hàng Thế giới và trở thành đập lớn đầu tiên được ngân hàng này tài trợ trong gần 10 năm. ADB và Ngân hàng Thế giới hỗ trợ phát triển của NT2 vì NT2 sẽ tuân thủ theo thực hành tốt nhất và là một ví dụ để khuyến khích phát triển thủy điện bền vững hơn trong khu vực (Lawrence, 2009; Molle và cộng sự, 2009).

Ngay từ đầu, các NGO đã chỉ trích quá trình quy hoạch NT2, cho rằng các biện pháp bảo vệ của Ngân hàng Thế giới đã bị vi phạm. Họ lập luận rằng tham vấn không đầy đủ hoặc diễn ra quá muộn, không có phân tích phương án, còn các nghiên cứu và chương trình sinh kế có nhiều điểm yếu lớn.

Trong quá trình xây dựng, NTPC không đạt được các cam kết của mình. Khoảng 10.000 dân làng đã bị di chuyển ra khỏi vùng đất của họ trước khi thanh toán bồi thường và khi các làng tái định cư chưa sẵn sàng, thông tin không được cung cấp kịp thời và các hệ thống thủy lợi không được xây dựng. Các nhà giám sát độc lập đòi đưa các nhà thầu ra tòa vì nhiều vi phạm trong quản lý môi trường, trong đó có thất bại trong việc kiểm soát xói mòn và bụi, trong quản lý chất thải và xây dựng đường yếu kém. NTPC cũng gặp khó khăn khi thực hiện các chương trình sinh kế, như đất thay thế có chất lượng kém, vườn ven sông bị ngập lụt, nguồn cá dự kiến sẽ giảm và tiền bồi thường không đủ. Các chương trình tín dụng vi mô được chọn để giải ngân tiền bồi thường lại thất bại bởi vì nó tạo ra một vòng nợ cho người dân, những người đã không thành công với các dự án sinh kế của họ (Lawrence, 2009; Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008).

Tổ chức Sông ngòi Quốc tế (2008) cho rằng dự án NT2 đã làm tốt hơn nhiều dự án thủy điện khác về việc có giám sát độc lập và báo cáo công bố công khai trong quá trình thực hiện dự án. NTPC cũng có một loạt các chương trình môi trường và xã hội tương tự như dự án THPC, bao gồm cả những chương trình về tái định cư và sinh kế, đền bù, sức khỏe cộng đồng, giáo dục, bảo vệ động vật hoang dã và rừng, giám sát chất lượng nước, quản lý xây dựng, và hỗ trợ cho các cộng đồng ở hạ nguồn (Dye, 2012). Molle và cộng sự (2009) lưu ý rằng sức ép từ các tổ chức phi chính phủ giúp cải thiện hoạt động giảm thiểu tác động môi trường và xã hội của dự án NT2.

Nam Ngum 2 là một dự án BOOT hợp tác công-tư. CH. Karnchang, Ratchaburi, Bangkok Expressway và GoL là những nhà đầu tư quan trọng, trong khi các ngân hàng thương mại Thái Lan và Ngân hàng EXIM Thái là nhà tài trợ. Cả báo cáo ĐTM và Kế hoạch hành động tái định cư đều không được công bố công khai và tái định cư được thực hiện kém. Dân làng của các dân tộc khác nhau đã được nhóm lại trong một ngôi làng duy nhất và không được cấp đủ đất. Những vấn đề này lại lặp lại ở dự án Nam Ngum 3, một dự án BOOT hợp tác công-tư liên quan đến các công ty GMS Power, Ratchaburi, Marubeni Corporation (Nhật Bản) và Chính phủ Lào. Việc thi công bắt đầu trước khi hoàn thành đánh giá tác động môi trường và xã hội, dẫn đến rất không chắc chắn về ảnh hưởng tiềm năng của đập đối với thủy sản và chất lượng nước. Cũng không rõ vấn đề khôi phục sinh kế sẽ được giải quyết như thế nào. Sinohydro là nhà đầu tư chính trong dự án Nam Ngum 5 và cũng bị chỉ trích tương tự vì đánh giá tác động môi trường và xã hội chưa đầy đủ và kế hoạch phục hồi sinh kế kém (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008).

Houay Ho là dự án BOOT hợp tác công-tư đầu tiên tại Lào, với Tổng công ty Daewoo của Hàn Quốc là chủ đầu tư chính. Dự án không minh bạch và dẫn đến tái định cư các nhóm dân tộc thiểu số Heuny và Jrou mà không đền bù thỏa đáng hoặc không cấp đủ đất cho họ. Chỉ có 20% diện tích đất được phân bổ là có sẵn, còn 80% đã được sử dụng bởi các làng khác. Năm 2001, Daewoo bán phần lớn cổ phần của mình cho Tractebel SA, một công ty đa quốc gia của Bỉ. Điều kiện ở các làng tái định cư tiếp tục xấu đi, và đến năm 2006, 70% dân làng tái định cư đã di chuyển ra khỏi khu vực này. Tractebel tuyên bố không chịu trách nhiệm về những sai lầm trong tái định cư do Daewoo thực hiện. Cuối cùng, Tractebel đã nỗ lực để khắc phục các vấn đề tái định cư, nhưng chỉ sau khi các tổ chức phi chính phủ của Bỉ gây sức ép và có đơn khiếu nại chống lại họ vì coi nhẹ Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác Kinh tế và Phát triển đối với các doanh nghiệp đa quốc gia (Tổ chức Sông ngòi Quốc tế, 2008).

**Kết luận:** Ngay cả các công ty xây dựng đập sử dụng “thực hành tốt nhất”, như THPC và NTPC, cũng đã gặp khó khăn khi phải cung cấp thông tin và bồi thường kịp thời, phải cung cấp đủ đất sản xuất nông nghiệp và sinh kế. Thu nhập và thực phẩm từ nguồn thủy sản, vườn ven sông và đất nông nghiệp bị giảm đã không được thay thế một cách bền vững. Thực hiện các nghĩa vụ về xã hội và môi trường theo hợp đồng là rất khó và tốn nhiều nhân lực và tài chính và cũng đòi hỏi phải có kế hoạch cẩn thận và có khả năng thích ứng với những thách thức bất ngờ. Các nhà phát triển ít trách nhiệm xã hội đã không hoàn thành đánh giá tác động xã hội và môi trường, và đã tái định cư dân mà không xem xét những khác biệt về dân tộc hoặc khôi phục sinh kế đã bị mất. Áp lực từ các tổ chức phi chính phủ phương Tây đã buộc các nhà phát triển dự án NT2 và Houay Ho phải tiến hành một số hành động, và nhiều tổ chức phi chính phủ trong khu vực và địa phương đã tích cực trong việc vận động chống lại các nhà phát triển.

### **Những động lực nào cho CSR trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công?**

Trong số các động lực truyền thống của CSR, nhiều động lực không tồn tại ở lưu vực sông Mê Công. Như đã đề cập trước đó, các động lực chính của CSR là quản lý rủi ro và áp lực từ các nhà tài chính, nhà đầu tư, khách hàng, các bên liên quan và công chúng nói chung (LRQA và CSR châu Á, 2010). Các dự án thủy điện quy mô lớn thường rất phức tạp và liên quan đến nhiều bộ ngành và cơ quan, cũng như các MDB, các nhà tài chính công và tư, các nhà phát triển, và các cơ quan tín dụng xuất khẩu từ các nước khác nhau (Haas, 2008; Foran và cộng sự, 2010). Một ví dụ điển hình là đập Nam Theun 2 ở Lào được tài trợ bởi 27 tổ chức (Foran và cộng sự 2010).

Ngày càng nhiều các ngân hàng châu Á nhà tài trợ cho phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công, đặc biệt là các ngân hàng tư nhân, trong đó, một vài ngân hàng đã thông qua các khuôn khổ quốc tế như Nguyên tắc Equator (Le Clerc, 2012; IFC, nd). Về lý thuyết, chính ngân hàng có lợi ích tốt nhất để quản lý rủi ro của mình thông qua thiết lập các tiêu chuẩn xã hội và môi trường. Các ngân hàng muốn tránh làm tổn hại đến danh tiếng của họ nhưng vì họ là người cho vay chứ không phải nhà đầu tư cổ phần, nên chi phí môi trường và xã hội không phải là vấn đề đối với họ (Foran và cộng sự 2010).

Cấu trúc của thị trường điện ở các quốc gia thuộc lưu vực sông Mê Công (MRB) ít chịu áp lực từ khách hàng. Các quốc gia MRB có các công ty công ích của nhà nước độc quyền về phân phối điện, mặc dù Thái Lan và Việt Nam đang khuyến khích tư nhân hóa thị trường điện của mình, còn Campuchia và Lào khuyến khích sự tăng trưởng của khu vực tư nhân (Foran và cộng sự, 2010; Matthews, 2012, King và cộng sự, 2007). Việc các công ty công ích của nhà

nước thông trị thị trường có nghĩa là có ít hoặc không có cạnh tranh từ các nhà sản xuất và nhà phân phối điện độc lập, khiến cho khách hàng không có lựa chọn và do đó không có tiếng nói về cách thức sản xuất ra điện (Foran và cộng sự, 2010; King và cộng sự, 2007). Do CSR được thực hiện chủ yếu ở các công ty niêm yết công khai với các cổ đông có nhận thức nên việc có rất nhiều DNNN tham gia vào phát triển thủy điện sông Mê Công sẽ làm giảm sức mạnh của các cổ đông như một động lực của CSR (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b).

Ở các nền kinh tế phát triển, áp lực từ cổ đông và công chúng được biết đến là động lực của CSR, đặc biệt trong các ngành công nghiệp sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b). Tuy nhiên, tại Lào, nơi sẽ diễn ra phần lớn các dự án phát triển thủy điện (King và cộng sự, 2007; ICEM, 2010) thì xã hội dân sự lại yếu (Matthews, 2012). Thái Lan có các tổ chức xã hội dân sự mạnh nhất và đôi khi đã thành công trong việc ngăn chặn xây dựng các đập mới ở Thái Lan. Các tổ chức xã hội dân sự ở Thái Lan, Campuchia và Việt Nam đã kêu gọi tạm ngừng xây dựng các đập trên dòng chính (Matthews, 2012; Lawrence, 2009). Bất chấp những mối lo ngại đó, Lào vẫn tiếp tục xây dựng đập Xayaburi trên dòng chính sông Mê Công (Bangkok Post, 2012).

**Kết luận:** Phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công đang thiếu nhiều trong số các động lực truyền thống của CSR. Cấu trúc phức tạp của tài chính và quản trị dự án làm hạn chế tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và động lực từ các nhà hoạt động riêng lẻ tham gia vào CSR và quản lý rủi ro. Không rõ liệu các nhà tài chính châu Á có điều khiển các thực hành CSR hay không. Sự thống trị của các công ty công ích của nhà nước trong thị trường điện có nghĩa là người tiêu dùng không có ảnh hưởng và sự thống trị của DNNN khiến cho sự tích cực của cổ đông không được coi trọng.

### **Khuyh hướng CSR trong phát triển thủy điện sông Mê Công như thế nào?**

CSR ở châu Á tiếp tục phát triển nhưng phần lớn vẫn có đặc điểm tập trung vào hoạt động từ thiện và phát triển cộng đồng, với rất ít báo cáo công khai so với báo cáo toàn diện về các chỉ số môi trường, xã hội và quản trị phổ biến rộng rãi ở Bắc Mỹ và Châu Âu (LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009a; Krechowicz và Fernando, 2009b). Rất ít minh bạch hoặc ít tham gia vào các sáng kiến CSR quốc tế (LRQA và CSR châu Á, 2010) nhưng rất nhiều DNNN không niêm yết công khai và doanh nghiệp gia đình (Krechowicz và Fernando, 2009b). Các động lực chính của CSR ở châu Á là các quy định lỏng lẻo được ban hành trên thị trường chứng khoán Trung Quốc và Malaysia (LRQA và CSR châu Á, 2010).

Một cuộc khảo sát đối với các tổ chức lớn hơn trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công khẳng định những xu hướng này: chỉ có ba trong số tám ngân hàng và nhà phát triển Thái Lan có báo cáo CSR; bốn trong số năm ngân hàng Trung Quốc có báo cáo CSR, còn các ngân hàng và nhà phát triển của Việt Nam và Malaysia không có thông tin về CSR.

Mặc dù THPC và NTPC được xem là những nhà vận hành đập “thực hành tốt nhất” nhưng họ vẫn phải đối mặt với khó khăn rất lớn trong việc thực hiện kế hoạch tái định cư, cung cấp bồi thường kịp thời và đầy đủ, và khôi phục sinh kế. NTPC áp dụng các thực hành tốt hơn vì đó là điều kiện cho vay của ADB và Ngân hàng Thế giới ngoài sự giám sát tăng lên của công chúng, nhưng đây không phải là điển hình cho hầu hết các đập ở MRB (Molle và cộng sự 2009).

Các động lực truyền thống của CSR không tồn tại ở MRB vì không có áp lực chung từ các nhà tài chính, khách hàng, cổ đông hoặc xã hội dân sự. Việc chuyển sang các nhà tài chính châu Á, thị trường điện độc quyền, số lượng lớn các DNNN và công ty không niêm yết công khai, và xã hội dân sự yếu đang hạn chế các động lực truyền thống của CSR. Hơn nữa, có rất nhiều rào cản đối với CSR, bao gồm: tham nhũng, quản trị yếu kém, xung đột lợi ích trong phát triển dự án và cấu trúc của thị trường điện trong khu vực (Foran và cộng sự, 2010; King và cộng sự, 2007; LRQA và CSR châu Á, 2010; Krechowicz và Fernando, 2009b; Matthews, 2012; Haas, 2008; Molle và cộng sự, 2009; Lawrence, 2009).

**Kết luận:** CSR trong phát triển thủy điện ở lưu vực sông Mê Công bị hạn chế. Điều này khó có thể thay đổi trừ khi các yếu tố trong môi trường hỗ trợ thay đổi theo cách khuyến khích tăng các động lực của CSR.

### **Chúng ta có thể học được gì từ các nước khác?**

Có hai phát hiện quan trọng rút ra từ các nghiên cứu về CSR ở các nước BRIC (Brazil, Nga, Ấn Độ, và Trung Quốc) và ở châu Á. Thứ nhất, bối cảnh đất nước có ý nghĩa lớn nhất đối với quy mô CSR ở các nước khác nhau (Chapple và Moon, 2005; Alon và cộng sự, 2010; Abreu, Castro, Assis Silva và Soares Filho, 2012; Dobers và Halme, 2009; Robins, 2005). Đạo Khổng ở Trung Quốc thúc đẩy một xã hội được xây dựng dựa trên các mối quan hệ, hệ thống cấp bậc, tính linh hoạt và đàm phán. Kết quả là, kinh doanh ở Trung Quốc bị chi phối bởi nhiều doanh nghiệp gia đình hoặc DNNN, và mặc dù Trung Quốc có một nền tảng pháp luật tốt nhưng thực thi luật pháp lại kém, phù hợp với sở thích văn hóa là duy trì các mối quan hệ và đàm phán. Sức mạnh của các hệ thống quản trị và các quy định của pháp luật là những yếu tố quan trọng cho sự phát triển CSR hơn nữa (Whelan, 2007). Ấn Độ và Brazil có mức độ chấp nhận CSR cao hơn so với Trung Quốc (Alon và cộng sự, 2010; Abreu



và cộng sự, 2012), và các hệ thống quản trị dựa trên pháp luật, trái với quản trị dựa trên quan hệ, ở cả hai nước này cũng mạnh hơn. Ngoài ra, các hệ thống chính trị dân chủ, như ở Brazil và Ấn Độ, có vẻ khuyến khích CSR trong khi một số chính phủ, như ở Trung Quốc và Nga, lại ngăn cản CSR (Alon và cộng sự 2010).

Hệ thống chính trị dân chủ có xu hướng có luật pháp mạnh hơn và được thực thi tốt hơn, có xã hội dân sự minh bạch hơn và tham gia nhiều hơn (Abreu và cộng sự, 2012). Tuy nhiên, văn hóa và lịch sử cũng đóng vai trò mạnh mẽ trong sự phát triển của CSR tại Ấn Độ vì nhiều giá trị liên quan đến CSR cũng bắt nguồn từ tín ngưỡng tôn giáo và quá khứ thuộc địa của nước này (Chapple và Moon, 2005). Điều này được thể hiện qua CSR ở Ấn Độ, chủ yếu nhằm vào giá trị, tập trung vào sử dụng các quy tắc đạo đức và nâng cao chất lượng cuộc sống trong cộng đồng (Alon và cộng sự, 2010). Loại CSR như ở Ấn Độ và Brazil, mang tính chiến lược chứ không phải đơn thuần là từ thiện, cũng góp phần vào việc thể chế hóa toàn bộ CSR (Chapple và Moon, 2005; Jamali, 2007).

Thứ hai, các công ty châu Á với các hoạt động quốc tế, ngay cả khi nếu các hoạt động này vẫn ở khu vực châu Á, đã chứng tỏ có mức độ chấp nhận CSR cao hơn so với các công ty chỉ hoạt động trong nước (Chapple và Moon, 2005). Tuy nhiên, mức độ cam kết CSR sẽ phụ thuộc vào quốc gia mà công ty đó đang hoạt động vì các bên liên quan ở các nước khác nhau có những kỳ vọng và lợi ích khác nhau, và công ty sẽ cố gắng giải quyết những nhu cầu của các bên liên quan đó (Robins, 2005). Đây có lẽ là lý do tại sao các công ty có các hoạt động quốc tế lại thể hiện cấp độ CSR cao hơn - họ có xu hướng phải quản lý nhiều bên liên quan hơn nhiều (Chapple và Moon, 2005).

CSR ở các nước đang phát triển khác với CSR ở các nước phát triển, và CSR lại khác nhau cho phù hợp với bối cảnh của từng quốc gia (Dobers và Halme, 2009; Robins, 2005). Điều này không có nghĩa là CSR là không phù hợp ở châu Á. Xã hội dân sự, người tiêu dùng trong nước và áp lực cộng đồng là những động lực làm tăng CSR, và khi tầng lớp trung lưu tăng lên, tính minh bạch tăng, chỉ trích công khai tăng thì các công ty có thể buộc phải chấp nhận các thực hành CSR (Chapple và Moon, 2005; Epstein-Reeves, 2012). Đây là trường hợp đã xảy ra ở Brazil (kết hợp với những cải tiến về điều hành) (Young, 2004; Abreu và cộng sự, 2012), và dường như đang dần xảy ra ở Trung Quốc khi người dân đòi hỏi điều kiện làm việc tốt hơn, không khí sạch hơn và các sản phẩm an toàn hơn (Epstein -Reeves, 2012).

**Kết luận:** Ở các nước châu Á khác nhau, CSR sẽ khác nhau bởi vì nó phát triển theo đặc điểm lịch sử, văn hóa, chính

trị, kinh tế, xã hội và môi trường của nước đó. CSR tồn tại một cách liên tục. Một số đặc điểm, như quản trị dựa trên luật lệ, dân chủ, minh bạch và xã hội dân sự mạnh, khuyến khích sự phát triển của CSR. CSR khác nhau giữa các nước châu Á, nhưng nhiều công ty có hoạt động quốc tế có xu hướng có mức độ CSR cao hơn.

## Tài liệu tham khảo

- Abreu, M., Castro, F., Assis Soares, F., and Silva Filho, J. 2012. A Comparative Understanding of Corporate Social Responsibility of Textile Firms in Brazil and China. *Journal of Cleaner Production* 20 (2012): 119-126.
- Alon, I., Lattemann, C., Fetscherin, M., Li, S., and Schneider, A. 2010. Usage of Public Corporate Communications of Social Responsibility in Brazil, Russia, India and China (BRIC). *International Journal of Emerging Markets* 5(1): 6-22.
- Baghel, R., and Nüsser, M. 2010. Discussing Large Dams in Asia After the World Commission on Dams: Is a Political Ecology Approach the Way Forward? *Water Alternatives* 3(2): 231-248.
- Bangkok Post, 2012. Vientiane says sorry for broken Xayaburi ground. Bangkok Post, November 25, 2012. <http://www.bangkokpost.com/news/investigation/322967/vientiane-says-sorry-for-broken-xayaburi-ground>.
- Bank of Ayudhya, n.d., CSR News. <http://www.krungsri.com/en/csr.aspx>.
- Bank for Investment and Development of Vietnam, n.d. CSR. Retrieved from <http://www.bidv.com.vn/News-Event/CSR.aspx>.
- Carroll, A., and Shabana, K. 2010. The Business Case for Corporate Social Responsibility: A Review of Concepts, Research and Practice. *International Journal of Management Reviews*, 2(1): 85-105.
- Chapple, W., and Moon, J. 2005. Corporate Social Responsibility (CSR) in Asia: A Seven-Country Study of CSR Web Site Reporting. *Business and Society* 44(4): 415-441.
- CH. Karnchang, 2011. Annual Report. [http://www.ch-karnchang.co.th/2012/shareholder/ar\\_en11.pdf](http://www.ch-karnchang.co.th/2012/shareholder/ar_en11.pdf).
- China Development Bank, 2011. Social Responsibility Report. <http://www.cdb.com.cn/english/Column.asp?ColumnId=190>.
- China Southern Power Grid Company, 2011. CSR Report. <http://eng.csg.cn/CSRFiles/20120920085416041604.pdf>.
- Cochran, P. 2007. The Evolution of Corporate Social Responsibility. *Business Horizons* 50 (2007): 449-454.
- Dahlsrud, A. 2008. How Corporate Social Responsibility is Defined: An Analysis of 37 Definitions. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management* 15 (2008): 1-13.
- Datang International Power Generation Co., LTD. 2009. Social Responsibility Report. Retrieved from [http://www.dtpower.com/en/content/2011-01/20/content\\_89784.htm](http://www.dtpower.com/en/content/2011-01/20/content_89784.htm).
- Dobers, P., and Halme, M. 2009. Corporate Social Responsibility and Developing Countries. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management* 16 (2009): 237-249.
- Dye, P. 2012. Nam Theun 2. Presentation delivered to the Mekong Forum on Water, Food and Energy, Hanoi, Vietnam, November 14, 2012. <http://www.slideshare.net/CPWFMekong/ntpc-mekong-forum-on-water-food-energy-13-14-nov-2012>.
- The Economist, 2009. Triple Bottom Line. The Economist November 17, 2009. <http://www.economist.com/node/14301663>.
- EGCO (Electricity Generating Company), 2009. Sustainability Report 2009. [http://www.egco.com/admin/uploadfiles/csr\\_social\\_report/csrreport\\_file\\_en\\_32.pdf](http://www.egco.com/admin/uploadfiles/csr_social_report/csrreport_file_en_32.pdf).
- Electricité du Laos n.d., Home Page: <http://www.edl.com.la/index.php>.
- Epstein-Reeves, J. 2012. The CSR Challenge for Companies Doing Business in China. *Forbes* June 11, 2012. <http://www.forbes.com/sites/csr/2012/11/06/the-csr-challenge-for-companies-doing-business-in-china/>.
- Equator Principles Association, 2011. About the Equator Principles. <http://www.equator-principles.com/index.php/about-ep/about-ep>.
- Export-Import Bank of China, 2011. 2011 Annual Report. <http://english.eximbank.gov.cn/annual/2011fm.shtml>.
- Export-Import Bank of Thailand, 2011. Annual Report. [http://www.exim.go.th/doc/en/about\\_exim/AnnualReport2011\\_Eng\\_Low-res.pdf](http://www.exim.go.th/doc/en/about_exim/AnnualReport2011_Eng_Low-res.pdf).
- Fonseca, A. 2010. Requirements and Barriers to Strengthening Sustainability Reporting Among Mining Corporations. Unpublished doctoral dissertation, University of Waterloo, Canada. <http://www.uwspace.uwaterloo.ca/handle/10012/5315>.
- Foran, T., Wong, T., and Kelley, S. (2010), Mekong Hydropower Development: A review of governance and sustainability challenges. M-POWER Research Network. [http://www.mpowernetwork.org/Knowledge\\_Bank/Key\\_Reports/Research\\_Reports/Mekong\\_Hydropower\\_Development.html](http://www.mpowernetwork.org/Knowledge_Bank/Key_Reports/Research_Reports/Mekong_Hydropower_Development.html).
- Foran, T. 2010. Making hydropower more sustainable? A sustainability measurement approach led by the Hydropower Sustainability Assessment Forum. Unit for Social and Environmental Research, Faculty of Social Sciences, Chiang Mai University, Chiang Mai. [http://www.mpowernetwork.org/Knowledge\\_Bank/Key\\_Reports/PDF/Booklets/Making\\_Hydropower\\_More\\_Sustainable\\_English.pdf?tabid=34059](http://www.mpowernetwork.org/Knowledge_Bank/Key_Reports/PDF/Booklets/Making_Hydropower_More_Sustainable_English.pdf?tabid=34059).
- Gamuda Berhad, 2012. Community and Social Development. [http://www.gamuda.com.my/corporate\\_social\\_responsibility\\_community.html](http://www.gamuda.com.my/corporate_social_responsibility_community.html).
- GRI (Global Reporting Initiative), n.d. What is GRI? Retrieved from <https://www.globalreporting.org/information/about-gri/what-is-gri/Pages/default.aspx>.
- GRI (Global Reporting Initiative), 2012. Sinohydro Group Social Responsibility Report 2011. GRI Sustainability Disclosure Database. Retrieved from <http://database.globalreporting.org/reports/view/10343>.
- Grimsditch, M. 2012. 3S Rivers Under Threat: Understanding New Threats and Challenges from Hydropower Development to Biodiversity and Community Rights in the 3S River Basin. 3S Rivers Protection Network and International Rivers. <http://www.internationalrivers.org/resources/3s-rivers-under-threat-7686>.
- Grumbine, R. E., Dore, J., and Xu, J. 2012. Mekong Hydropower: Drivers of Change and Governance Challenges. *Frontiers in Ecology and the Environment*, 10(2): 91-98.
- Haas, L. 2008. Water for Energy: Corruption in the Hydropower Sector. In Zinnbauer, D. and Dobson, R. (eds.), *Global Corruption Report 2008: Corruption in the Water Sector*. Cambridge, Cambridge University Press: 85-96. [http://archive.transparency.org/publications/gcr/gcr\\_2008](http://archive.transparency.org/publications/gcr/gcr_2008).
- ICEM (International Center for Environmental Management), 2010. Strategic Environmental Assessment of Hydropower on the Mekong Mainstream. Vientiane, Mekong River Commission Secretariat. <http://www.mrcmekong.org/assets/Publications/Consultations/SEA-Hydropower/SEA-FR-summary-13oct.pdf>.
- IFC (International Finance Corporation), 2012. Performance Standards and Guidance Notes—2012 Edition. [http://www1.ifc.org/wps/wcm/connect/Topics\\_Ext\\_Content/IFC\\_External\\_Corporate\\_Site/IFC+Sustainability/Sustainability+Framework/Sustainability+Framework++2012/Performance+Standards+and+Guidance+Notes+2012/](http://www1.ifc.org/wps/wcm/connect/Topics_Ext_Content/IFC_External_Corporate_Site/IFC+Sustainability/Sustainability+Framework/Sustainability+Framework++2012/Performance+Standards+and+Guidance+Notes+2012/).
- IFC (International Finance Corporation), n.d. Are Thai Bankers' Ready for the Equator Principles? An Interview with the Secretary-General of The Thai Bankers Association. [http://www1.ifc.org/wps/wcm/connect/region\\_ext\\_content/regions/east+asia+and+the+pacific/news/are+thai+banks+ready+for+the+equator+principles](http://www1.ifc.org/wps/wcm/connect/region_ext_content/regions/east+asia+and+the+pacific/news/are+thai+banks+ready+for+the+equator+principles).

- IHA (International Hydropower Association), 2010. Hydropower Sustainability Protocol: Background Document. <http://www.hydro-sustainability.org/getattachment/4c0b52b7-7744-47c1-b6a7-692e2b7dfb03/Background-Document.aspx>.
- IHA (International Hydropower Association), 2012. Phase 1: Protocol Development (2007-2010). Retrieved from [http://www.hydro-sustainability.org/Hydropower-Sustainability-Assessment-Protocol/Phase-1--Protocol-development-\(2007-2010\).aspx](http://www.hydro-sustainability.org/Hydropower-Sustainability-Assessment-Protocol/Phase-1--Protocol-development-(2007-2010).aspx).
- Italian-Thai Development PCL, 2011. Annual Report 2011. Retrieved from [http://www.itd.co.th/annual\\_report/AR\\_ENG/ar-2010-e.pdf](http://www.itd.co.th/annual_report/AR_ENG/ar-2010-e.pdf).
- Jamali, D. 2007. The Case for Strategic Corporate Social Responsibility in Developing Countries. *Business and Society Review*, 112(1): 1-27.
- Kasikorn Bank, 2011. Annual Report. <http://www.kasikornbank.com/EN/SocialActivities/CSRAnnualReports/CSRAnnualReports/CSR2011.pdf>.
- King, P., Bird, J., and Haas, L. 2007. The Current Status of Environmental Criteria for Hydropower Development in the Mekong Region: A Literature Compilation. Consultants' Report to ADB, MRCS, and WWF.
- Krechowicz, D., and Fernando, H. 2009a. Emerging Risk: Impacts of Key Environmental Trends in Emerging Asia. International Finance Corporation and World Resources Institute. [http://pdf.wri.org/emerging\\_risks\\_emerging\\_asia.pdf](http://pdf.wri.org/emerging_risks_emerging_asia.pdf).
- Krechowicz, D., and Fernando, H. 2009b. Undisclosed Risk: Corporate Environmental and Social Reporting in Emerging Asia. International Finance Corporation and World Resources Institute. Retrieved from [http://pdf.wri.org/undisclosed\\_risk\\_emerging\\_asia.pdf](http://pdf.wri.org/undisclosed_risk_emerging_asia.pdf).
- Lawrence, S. 2009. The Nam Theun 2 Controversy and Its Lessons for Laos. In Molle, F., Foran, T. and Käkönen, M. (eds.), *Contested Waterscapes in the Mekong Region: Hydropower, Livelihoods and Governance*. London, Earthscan: 81-113.
- Le Clerc, N. 2012. Equator Principles at the Crossroad. Presentation delivered to the Mekong2Rio Conference, Phuket, Thailand, May 1-2, 2012. <http://www.mrcmekong.org/assets/Events/Mekong2Rio/5.3b-The-role-of-private-sector-Le-Clerc.pdf>.
- LRQA (Lloyd's Register Quality Assurance) and CSR Asia, 2010. CSR in Asia: The Real Picture. [http://www.lrqa.com.hk/Images/LR-CSR\\_2010\\_tcm98-197937.pdf](http://www.lrqa.com.hk/Images/LR-CSR_2010_tcm98-197937.pdf).
- Matsumoto, I. 2009. Expanding Failure: An Assessment of the Theun-Hinboun Expansion Project's Compliance with Equator Principles and Lao Law. Bank Track, FIVAS, International Rivers, Les Amis de la Terre, and the Uniting Church in Australia. Retrieved from [http://www.internationalrivers.org/files/attached-files/thxp\\_report\\_final\\_november\\_2009\\_0.pdf](http://www.internationalrivers.org/files/attached-files/thxp_report_final_november_2009_0.pdf).
- Matthews, N. 2012. Water Grabbing in the Mekong Basin—An Analysis of the Winners and Losers of Thailand's Hydropower Development in Lao PDR. *Water Alternatives* 5(2): 392-411.
- Mega First Corporation Berhad, 2011. Annual Report. [http://www.mega-first.com/pdf/ar\\_2011.pdf](http://www.mega-first.com/pdf/ar_2011.pdf).
- Middleton, C., Garcia, J., and Foran, T. 2009. Old and New Hydropower Players in the Mekong Region: Agendas and Strategies. In Molle, F., Foran, T. and Käkönen, M. (eds.), *Contested Waterscapes in the Mekong Region: Hydropower, Livelihoods and Governance*. London, Earthscan: 23-54.
- Molle, F., Foran, T., and Käkönen, M. (Eds.). (2009). *Contested Waterscapes in the Mekong Region: Hydropower, Livelihoods and Governance*. London, Earthscan.
- MRC (Mekong River Commission), 2010. State of the Basin Report 2010: Summary. Vientiane, MRC.
- Nam Theun 2 Power Company (NTPC). n.d. Principal Shareholders and Roles in the Project. [http://www.namtheun2.com/index.php?option=com\\_content&view=article&id=64&Itemid=61](http://www.namtheun2.com/index.php?option=com_content&view=article&id=64&Itemid=61).
- Nehme, M., and Wee, C. K. G. 2008. Tracing the Historical Development of Corporate Social Responsibility and Corporate Social Reporting. *James Cook University Law Review* 15(2008): 129-168. <http://mail.nzlii.org/au/journals/JCULawRw/2008/6.pdf>.
- Orr, S., Pittock, J., Chapagain, A., and Dumaresq, D. 2012. Dams on the Mekong River: Lost Fish Protein and the Implications for Land and Water Resources. *Global Environmental Change* 22(4): 925-932.
- Ratchaburi Electricity Generating Holding PCL. 2011. Social and Environment Responsibility Report 2011. <http://www.ratch.co.th/download.php?download=src/download/csr/20120320-RATCH-CSR2011-EN.pdf>.
- Robins, F. 2005. The Future of Corporate Social Responsibility. *Asian Business and Management* 4 (2005): 95-115.
- Scholtens, B., and Dam, L. 2007. Banking on the Equator: Are Banks that Adopted the Equator Principles Different from Non-Adopters? *World Development* 35(8): 1307-1328.
- Siam Commercial Bank, n.d. CSR. <http://www.scb.co.th/csr/en/>.
- Sinohydro, n.d. Sustainable Development. <http://eng.sinohydro.com/en/idems/dev.asp?showtype=2andClassID=17>.
- THPC (Theun-Hinboun Power Corporation), 2011. Theun-Hinboun Expansion Project Social and Environmental Division: From Inception to 2010. <http://www.thpclaos.com/images/reports/sed-report-inception-to-2010-final-august-2011.pdf>.
- Transparency International, 2008. Global Corruption Report 2008: Corruption in the Water Sector. Zinnbauer, D. and Dobson, R. (eds.). Cambridge, Cambridge University Press. [http://archive.transparency.org/publications/gcr/gcr\\_2008](http://archive.transparency.org/publications/gcr/gcr_2008).
- UN Global Compact, 2011. Overview of the UN Global Compact. <http://www.unglobalcompact.org/AboutTheGC/index.html>
- Virtanen, M. 2006. Foreign Direct Investment and Hydropower in Lao PDR: The Theun-Hinboun Hydropower Project. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management* 13 (2006): 183-193.
- Whelan, G. 2007. Corporate Social Responsibility in Asia: A Confucian Context. In May, S., Cheney, G. and Roper, J. (eds.), *The Debate Over Corporate Social Responsibility*. New York, Oxford University Press: 105-118.
- WCD (World Commission on Dams), 2000. *Dams and Development: A New Framework for Decision-Making*. London and Sterling, VA, Earthscan.
- Young, R. 2004. Dilemmas and Advances in Corporate Social Responsibility in Brazil: The Work of the Ethos Institute. *Natural Resources Forum*, 28 (2004): 291-301.

## What is the State of Knowledge (SOK) Series?

The SOK series sets out to evaluate the state of knowledge on subjects related to the impact, management and development of hydropower on the Mekong, including its tributaries. Publications in the series are issued by the CGIAR Challenge Program on Water and Food – Mekong Programme. The series papers draw on both regional and international experience. Papers seek to gauge what is known about a specific subject and where there are gaps in our knowledge and understanding. All SOK papers are reviewed by experts in the field. Each section in a SOK papers ends with a conclusion about the state of knowledge on that topic. This may reflect high levels of certainty, intermediate levels, or low certainty.

The SOK series is available for download from the CPWF Mekong website at <http://mekong.waterandfood.org/>

Citation: West, N. 2013. Corporate Social Responsibility in Mekong Hydropower Development. State of Knowledge Series 3. Vientiane, Lao PDR, Challenge Program on Water and Food.

This SOK has been reviewed by Ame Trandem, International Rivers; Leena Wokeck, CSR Asia Center at AIT; Melody Kemp, independent consultant; Paul Angwin, People and Planet; and Pech Sokhem, Hatfield Consultants.

Reviewers cannot be held responsible for the contents of any SOK paper, which remains with the CPWF and associated partners identified in the document.

This SOK has been edited by Terry Clayton at Red Plough International Co. Ltd. [clayton@redplough.com](mailto:clayton@redplough.com) and proofread by Clare Sandford [claresandford@hotmail.co.uk](mailto:claresandford@hotmail.co.uk)

Design and lay-out by Remy Rossi [rossiremy@gmail.com](mailto:rossiremy@gmail.com) and Watcharapol Isarangkul [nong.isarangkul@gmail.com](mailto:nong.isarangkul@gmail.com)

---

The Challenge Program on Water and Food was launched in 2002 as a reform initiative of the CGIAR, the Consultative Group on International Agricultural Research. CPWF aims to increase the resilience of social and ecological systems through better water management for food production (crops, fisheries and livestock). CPWF does this through an innovative research and development approach that brings together a broad range of scientists, development specialists, policy makers and communities to address the challenges of food security, poverty and water scarcity. CPWF is currently working in six river basins globally: Andes, Ganges, Limpopo, Mekong, Nile and Volta. More information can be found at [www.waterandfood.org](http://www.waterandfood.org).

In the Mekong, the CPWF works to to reduce poverty and foster development by optimizing the use of water in reservoirs. If it is successful, reservoirs in the Mekong will be: (a) managed in ways that are fairer and more equitable to all water users; (b) managed and coordinated across cascades to optimize benefits for all; (c) planned and managed to account for environmental and social needs; (d) used for multiple purposes besides hydropower alone; (e) better governed and the benefits better shared. More information can be found at [www.mekong.waterandfood.org](http://www.mekong.waterandfood.org).

### Want to know more?

Contact us at [cpwf.mekong@gmail.com](mailto:cpwf.mekong@gmail.com).



